

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Heavy

BESTCLOG OB

Guố c **siêu** nh

Giày Safety Jogger BESTCLOG siêu nh ẹ , b ề n , h ợp v ệ sinh **mái** t uốoặc **này có** th ể g, khử **trùng và hộp** ạ t ui. yệ t v ờ

Những vật liệu **cao** cấp hơn	**EVA** mở rộng
lót bên trong	**SAU ĐÓ**
trong Đ	ệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
ngoài Đ	**EVA / Cao su**
i Loạ	**OB / SR, HRO**
Phạm **vi kích** thước	**EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0** **JPN 21.5-31 / KOR 230-310**
ng lượng t **thép**	**0.230 kg**
ẩn **hóa** **iêu** chu	**EN ISO 20347:2022+A1:2024** **ASTM F3445:2024**

3.45 kg



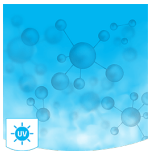
WHT



BLK



iặt ở **OB C** thể g
Những **đôi giày này có** thể được iặt trong **máy** g



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**
Giày này có thể được khử **trùng** bằng **hóa** chất **và tia** cực **tím.**

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, làm sc ợ cupẩm m & Dthuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn ng ôn ng ẩm ặ cướt c mn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Dgiày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phg ápủ hàmnhiệg Khôngtrên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **EVA** m ở r ộ n g **cao** cấp h ơn				
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	N/A	ờ mg/cm/g
	Top: h nụ số ơ	? 15	N/A	mg/cm2
ót bên trong	**SAU ĐÓ**			
	L ớp lót: ấm ớ	? 2	N/A	ờ mg/cm/g
	lót: h nụ số ơ	? 20	N/A	mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)				
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài Đ	**EVA / Cao su**			
	Ch ố m ng ti ế ngoài (mài mòn)	? 150	96	mm
	a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28	0.35	ma sát
	a đế ngoài SRA: Phẳ t g	? 0.32	0.35	ma sát
	a đế ngoài SRB- gót chân	? 0.13	0.21	ma sát
	ộ đế ngoài SRB: t phẳn g	? 0.18	0.22	ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g gót chân củ	? 20	N/A	J

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có ế thay ề nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không ép bằng văn bản ủ

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO#hát** thả			
	V ật l iệu	1.20	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		3.45 kg CO2/cặp	

	Sự **miêu** t ả	ế t u ả	K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
	Product	12%	
	Bao bì	100%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính